

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
HUYỆN VĨNH THẠNH NAM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HS-ST

Ngày 09-3-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TP. CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Nhật Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Kim Phụng.

Bà Lê Bảo Ngân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Mỹ Y - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Châu Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Lương Văn Tùng N, sinh năm 1992, Nơi sinh: K; Nơi thường trú: 673/98A, Mạc Cửu, khu phố N, phường V, thành phố R, tỉnh K; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Q, sinh năm 1962 (Chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (Chết); không có vợ và con; Anh chị em ruột có 04 người lớn nhất 1981 nhỏ nhất 1987. Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11 tháng 12 năm 2022 cho đến nay (Bị cáo có mặt).

Bị hại: Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp F2, xã T, huyện V, thành phố C (vắng mặt).

Người làm chứng:

1/ Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện V, thành phố C (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Cam L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện V, thành phố C(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 10/12/2022, Lương Văn Tùng N đi bộ trên tuyến quốc lộ 80, N thấy ông Nguyễn Đức M điều khiển xe mô tô đi từ hướng huyện T, tỉnh K ra số 10 huyện V, thành phố C, N vẫy tay hỏi xin có giang xe ra số 2, xã V, huyện V, ông M đồng ý nên chở N về đến khu vực cầu vượt Kinh E, ấp P, xã T, huyện V cho N xuống xe để đón xe ôm đi tiếp. Trong lúc xuống xe, N thấy số tiền 2.000.000 đồng trong túi quần bên phải của ông M nên N đã lén lút dùng tay phải móc lấy tiền rồi cất giấu, N kêu xe honda ôm đi tiếp ra xã V, xe chạy đi được một đoạn thì anh M phát hiện bị mất tiền nên kêu xe ôm dừng lại, biết bị phát hiện nên N bỏ chạy được khoảng 500 mét thì ông M đuổi theo bắt N lại, lúc này N xin tha đồng thời lấy tiền trả lại cho ông M, N đưa tiền cho bà Nguyễn Thị Cam L vợ ông M. Ông M nghĩ là N đã trả lại đủ số tiền 2.000.000 đồng, nhưng về nhà kiểm tra lại thì phát hiện số tiền N trả lại chỉ có 1.500.000 đồng còn thiếu 500.000 đồng nên vợ chồng ông M tiếp tục chạy xe đi tìm N, đến đoạn đường trước Công an xã T thì phát hiện N đang đi trên xe honda ôm nên đã yêu cầu dừng xe lại, khi xe dừng lại N bỏ chạy trốn, ông M trình báo vụ việc cho Công an xã T truy tìm bắt được N đưa về cơ quan để làm việc và thu giữ 500.000 đồng còn lại.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Đức M đã nhận lại 2.000.000 đồng bị mất và không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình điều tra Lương Văn Tùng N có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSVT ngày 07/02/2023 và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, thành phố C, truy tố bị cáo Lương Văn Tùng N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã đưa ra những chứng cứ, chứng M hành vi phạm tội của bị cáo và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51, của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lương Văn Tùng N từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung miễn cho bị cáo N do có hoàn cảnh khó khăn.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông M đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại ông M và người làm chứng bà T và bà L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo N khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát truy tố: Vào ngày 10/12/2022 bị cáo Lương Văn Tùng N đã có hành vi lén lút lấy trộm 2.000.000 đồng trong túi quần của ông Nguyễn Đức M. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Lương Văn Tùng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời khai nhận trên của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp

pháp của công dân, là một trong những khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự địa phương chỉ vì N lười lao động mà muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo lợi dụng ông M cho đi nhờ xe không để ý nên đã cố ý lấy trộm số tiền 2.000.000 đồng trong túi quần của ông M, đến khi ông M phát hiện thì trả lại nhưng bị cáo cố tình chừa lại 500.000 đồng cho thấy sự liều lĩnh, xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó cần phải xử lý bị cáo đúng pháp luật, đúng với tính chất mức độ vai trò của bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo, trở thành người tốt có ích cho xã hội. Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông M đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lương Văn Tùng N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào các: khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51, của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo **Lương Văn Tùng N 09 (Chín)** tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 11/12/2022.

Về hình phạt bổ sung miễn cho bị cáo **Lương Văn Tùng N**.

2. Về án phí: Bị cáo **Lương Văn Tùng N** phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND thành phố C;
- VKSND thành phố C;
- VKSND huyện V;
- CAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Sở Tư pháp thành phố C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nhật Trường